PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

*Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trưng*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 47/2025

(18/11/2025 – 24/11/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tăng nhẹ 93 điểm (↑4,19%) lên 2.309 điểm – mức cao nhất hiện tại năm 2025. Chỉ số thuê tàu các phân khúc tuần qua phân hoá như sau: Capesize tăng 214 điểm (↑2,58%) lên 3.730 điểm, Panamax cũng tăng nhẹ 75 điểm (↑3,98%) lên 1.957 điểm. Trong khi đó, Supramax nhìn chung không thay đổi nhiều, chỉ tăng 4 điểm lên 1.431 điểm, còn Handysize trải qua một đợt giằng co nhẹ, sụt 2 điểm (↓0,2) so với tuần trước. Nhìn chung hai phân khúc này có xu hướng chững lại trong hai tháng gần đây. Dẫu vậy, hoạt động mua bán vẫn được duy trì sức hút ổn định. phân khúc Supramax, ghi nhận chủ tàu Hy Lạp chốt tàu ***Victorious*** (55.648 dwt, đóng 2011 Hyundai Vinashin Việt Nam, DD/SS 09/2026) với giá khoảng 13,7 triệu đô la Mỹ. Đã lâu rồi mới ghi nhận giao dịch tương tự nên đây sẽ là cơ sở tham chiếu mới cho dòng tàu 15 tuổi đóng xưởng Hyundai Vinashin Việt Nam. Đối với dòng Supramax đóng Nhật, tuần qua tàu ***Vega Stetind*** (55.496 dwt, đóng 2008 Nhật, DD 05/2026, SS 02/2028) được bán với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ - đây được xem là mức rẻ nhất trong thời điểm hiện nay vì tàu cần sớm lên đà trung gian. Ở phân khúc Handysize, chủ tàu Na Uy bán tàu ***Thomas Selmer*** (34.963 dwt, đóng 2011 xưởng Samjin Trung Quốc, DD/SS 04/2026) với giá khoảng 10,2 triệu đô la Mỹ. Nhìn chung giá tàu đóng Trung Quốc đang có xu hướng tăng nhẹ. Đối với dòng tàu đóng Nhật, chủ tàu Hong Kong bán tàu ***Trawind Dolphin*** (33.686 dwt, đóng 2012 Nhật, DD/SS 05/2027) cho Người mua Singapore) với giá khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ - đây vẫn là mức tham chiếu chung đối với các tàu 33k dwt đóng Nhật xung quanh 12 tuổi.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, nhiều dự báo quan ngại việc dư cung khiến chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) gần như không thay đổi, chỉ nhích nhẹ 2 điểm (↑1,5%) lên 1.468 điểm – nhưng đây là mức cao nhất đến thời điểm hiện tại của năm 2025, hay nói cách khác là chỉ số cao nhất trong vòng hơn 1 năm 10 tháng kể từ ngày 18/1/2024 (1.500 điểm). Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng tăng mạnh 133 điểm (↑17,9%) lên 885 điểm – mức cao nhất đến thời điểm hiện tại năm 2025 nói riêng và cao nhất trong vòng gần 1 năm 6 tháng nói chung kể từ 6/6/2024 (604 điểm). Hoạt động mua bán tàu diễn ra mạnh mẽ đều đặn ở cả phân khúc lớn từ VLCC đến Aframax và cả MR. Sau khi một loạt tàu MR trẻ bán thành công 1-2 tháng gần đây, các tàu MR xung quanh 12-15 tuổi cũng được săn đón trở lại. Đơn cử tàu chemical ***UOG Syros*** (51.745 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, DD 10/2028, SS 08/2030) bán với giá khoảng 21,5 triệu đô la Mỹ - mức này rất cao vì tàu vừa mới qua đà đặc biệt 11/2025. Quay ngược về tháng 6/2025, cặp tàu chemical tương tự đóng 2010 Hàn Quốc là ***UOG Despina V*** (51.150 dwt) và ***UOG Constantine G*** (49.999 dwt) chỉ được chốt xung quanh 16-16,8 triệu đô la Mỹ/tàu, đều cần phải lên đà ngay. Như vậy, giá tàu ***UOG Syros*** sẽ thiết lập mốc tham chiếu mới cho dòng tàu MR chemical 15 tuổi đóng Hàn Quốc. Tiếp tục ghi nhận tàu ***Star Eagle*** (51.202 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 12/2025, SS 10/2027) được bán thành công với giá 13,5 triệu đô la Mỹ. Trong khi đó, tàu ***Nave Equinox*** (50.922 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 04/2026, SS 04/2027) được chốt với giá nhỉnh hơn 14,4 triệu đô la Mỹ do hạn đà xa hơn – mức này khá hợp lý theo thị trường hiện nay.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Fortune Violet	2012	Japan	181,366	34.00	Undisclosed	DD/SS 06/2027
NBA Rembrandt	2012	Japan	107,236	18.80	AccelorMittal	DD 10/2028, SS 10/2030
BW Japan	2019	Tsuneishi Cebu, Philippines	81,609	32.50	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 05/2027, SS 05/2029
Jal Kundan	2026	China	65,950	37.35	Thai, Precious Shipping	Resale
Jal Kanak	2026	China	65,950	37.35		
Santa Maria	2014	Japan	61,323	21.20	Undisclosed	Bss dely 06/ˆ2026, DD 11/2026, SS 11/2028
Grace Voyager	2021	China	61,088	30.50	Greek	Auction sale
Victorious	2011	Hyundai Vinashin, Vietnam	55,648	13.70	Undisclosed	DD/SS 09/2026, Greek owners
Vega Stetind	2008	Japan	55,496	11.00	Undisclosed	DD due 05/2026, SS 02/2028
Intrepid	2005	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,346	9.90	Undisclosed	DD/SS freshly passed 11/2025, German owners
Warisa Naree	2010	India	53,840	9.30	Undisclosed	DD 01/2028, SS 04/2030, Thai owners
Saturnia	2015	Japan	38,947	18.50	Greek	Log-fitted, DD 10/2028, SS 10/2030
CS Candy	2012	China	37,459	12.50	Undisclosed	Ice class 1C, DD/SS 01/2027
Atlantic Bulker	2014	Japan	36,309	15.00	Greek	DD/SS 03/2027
Thomas Selmer	2011	Samjin, China	34,963	10.20	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 04/2026, Norwegian owners
Trawind Dolphin	2012	Japan	33,686	13.80	Singaporean	OHBS, DD/SS 05/2027
Yangtze Grace	2012	China	32,503	9.80	Chinese	Log-fitted, DD/SS 06/2027, Chinese owners
COSCO Wuyishan	2010	China	31,958	8.05	Undisclosed	Chinese online bidding sale, log-fitted, ice class II, M/E Mitsubishi (made in Japan), DD 01/2028, SS 01/2030
TANKERS						
Oceanic Fortune	2010	Korea	320,054	57.00	Chinese	Was Idle for 9 months in 2024, scrubber fitted, M/E Wartsila,
Mermaid Hope	2011	Japan	297,224	60.00	Undisclosed	DD/SS 12/2026
Mercury Hope	2011	Japan	297,221	60.00		DD/SS 05/2026
Sonangol Namibe	2007	Korea	158,425	34.00	Greek	DD/SS 03/2027

North Star	2025	Korea	157,000	97.00	Okeanis Eco Tankers	Currently on sea trials, due dely 12/2025
Hafnia Libra	2013	China	52,385	23.00	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 08/2026, SS 05/2028
Hafnia Libra	2013	China	49,999	23.00		Chemical IMO II, epoxy coated, DD 09/2026, SS 07/2028
UOG Syros	2010	Korea	51,745	21.50	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated DD/SS freshly passed 11/2025, next DD 10/2028, SS 08/2030
PS Dream	2006	Korea	51,233	14.00	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated, DD 03/2028, SS 03/2030
PS Queen	2006	Korea	51,218	14.00		Chemical IMO III, epoxy coated, DD 03/2028, SS 03/2030
Star Eagle	2007	Korea	51,202	13.50	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy coated, DD due 12/2025, SS 10/2027
Nave Equinox	2007	Korea	50,922	14.40	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy phenolic coated, ice class 1A, DD 04/2026, SS 04/2027
NB Zhoushan Changhong CHB5006	2026	China	50,000	48.50	Laskaridis Shipping	Due dely 08/2026
MTM North Sound	2006	Japan	19,874	15.00	Undisclosed	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD 12/2027, SS 11/2029, Singaporean owners
CONTAINERS						
Buenaventura Express	2023	Korea	142,411	120.10	Undisclosed	13212 teu, 2100 reefer, scrubber fitted, DD 06/2026, SS 06/2028
Atlantica Power	2010	Korea	59,346	45.00	Undisclosed	SS passed 07/2025, next DD 07/2028, SS 04/2030
Irenes Resolve	2001	Korea	51,060	23.00	MSC	Incl TC, 3739 teu, scrubber fitted, ice class II, M/E Wartsila, DD/SS 09/2026
Happy Lucky	2008	Japan	33,406	27.50	Chinese	DD 11/2026, SS 08/2027
CNC Saturn	2020	Tsuneishi Cebu, Philippines	22,081	36.00	Undisclosed	1952 teu, scrubber fitted, DD 10/2028, SS 11/2030

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô *(đv: triệu đô la Mỹ)*		11/ 2025	% thay đổi theo *(M (month) = tháng)* 1M	3M	6M	12M	TB 5 năm
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	78.00	0%	3%	3%	3%	61.50
180k dwt	5 tuổi	65.00	0%	5%	3%	3%	45.75
170k dwt	10 tuổi	50.00	0%	8%	11%	14%	32.25
150k dwt	15 tuổi	29.00	5%	9%	0%	4%	20.50
PANAMAX							
82k dwt	Resale	39.50	0%	1%	3%	-2%	37.00
82k dwt	5 tuổi	33.00	2%	3%	2%	-6%	30.50
76k dwt	10 tuổi	26.00	0%	4%	4%	3%	21.50
74k dwt	15 tuổi	17.00	6%	6%	6%	5%	14.25
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.50	0%	1%	1%	-4%	35.00
58k dwt	5 tuổi	32.00	1%	3%	3%	-7%	26.25
56k dwt	10 tuổi	24.50	2%	9%	4%	-1%	19.25
52k dwt	15 tuổi	15.75	-2%	2%	3%	0%	13.00
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	33.00	0%	0%	0%	-4%	29.25
37k dwt	5 tuổi	26.50	0%	0%	4%	-2%	23.00
32k dwt	10 tuổi	20.25	-1%	-1%	11%	4%	15.50
28k dwt	15 tuổi	12.00	0%	0%	0%	-4%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất *(đv: triệu đô la Mỹ)*		11/ 2025	% thay đổi theo *(M (month) = tháng)* 1M	3M	6M	12M	TB 5 năm
VLCC							
310k dwt	Resale	148.00	0%	1%	2%	-1%	115.75
310k dwt	5 tuổi	118.00	0%	1%	3%	2%	88.50
250k dwt	10 tuổi	88.00	0%	1%	4%	2%	63.50
250k dwt	15 tuổi	59.00	0%	2%	2%	7%	45.00
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	97.50	4%	5%	4%	-2%	79.25
150k dwt	5 tuổi	80.00	5%	5%	4%	0%	61.75
150k dwt	10 tuổi	64.00	5%	5%	3%	-2%	46.25
150k dwt	15 tuổi	42.00	5%	5%	2%	-10%	30.00
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	80.00	7%	7%	7%	-6%	66.00
110k dwt	5 tuổi	67.50	8%	8%	8%	-4%	52.00
105k dwt	10 tuổi	55.00	10%	10%	10%	-4%	39.00
105k dwt	15 tuổi	36.00	6%	6%	6%	-10%	25.75
MR							
52k dwt	Resale	53.00	0%	2%	8%	-7%	45.00
52k dwt	5 tuổi	43.00	0%	2%	10%	-9%	35.75
45k dwt	10 tuổi	33.00	3%	3%	10%	-11%	26.00
45k dwt	15 tuổi	19.00	3%	3%	3%	-27%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tankers	VLCC size	130.00	4	Hyundai Samho	European	Aug 2029	Price per unit
Tankers	157,000 dwt	79.00	2	New Times	Seatankers	FH 2029	Price per unit
Tankers	157,000 dwt	87.30	2	DH Shipbuilding	EMF	12/2027	Price per unit
Tankers	115,000 dwt	74.60	2+2	Hyundai Vietnam	Stealth	End 2028-Early 2029	Price per unit
Tankers	114,000 dwt	71.50	6	Hengli, China	Emarat Maritime, UAE	2027	Price per unit
Bulkers	210,000 dwt	-	4	COSCO Shipping	Dalian	2028	
Containers	2,900 teu	40.00	2+2	Fujian Mawei	TS Lines, Taiwan	2028	Price per unit
Containers	1,800 teu	-	6		Danaos Corp	2027-2029	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới *(đv: triệu đô la Mỹ*	10/ 2025	% thay đổi theo *(M (month) = tháng)* 1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt	71.5	0.00%	0.00%	-4.67%	-6.54%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	-1.35%	0.00%	-2.67%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	-1.47%	-1.47%	-4.29%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	-1.67%	-1.67%	-4.07%

Giá trị tàu dầu dầu/hóa chất đóng mới *(đv: triệu đô la Mỹ)*	10/ 2025	% thay đổi theo *(M (month) = tháng)* 1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.79%	-2.29%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	-0.67%	-3.27%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	0.00%	-4.59%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 18.098 đô la Mỹ, tăng 299 đô la Mỹ so với mức 17.799 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường có nhiều diễn biến trái chiều. Khu vực Vịnh châu Mỹ đã yếu đi sau một đợt tăng giá trước đó, mặc dù các tuyến đường fronthaul vẫn giữ vững. Oldendorff thuê tàu ***Maye Manx*** (63.525 dwt, đóng 2022) neo ở Vịnh châu Mỹ (26/11), chở hàng rời từ New Orleans đi Nhật Bản với giá khoảng 32.000 đô la Mỹ/ngày. Khu vực Nam Đại Tây Dương và Continent - Địa Trung Hải vẫn cân bằng và ổn định. Ở Châu Á, tâm lý thị trường vẫn vững chắc bất chấp số lượng giao dịch được chốt hạn chế, các chủ tàu chuyển sang hợp đồng thuê tàu định hạn để đảm bảo cho năm 2026. Pioneer thuê tàu ***Desert Spring*** (57.437 dwt, đóng 2012) neo tại CJK với hợp đồng 4-6 tháng với giá khoảng 14.350 đô la Mỹ/ngày.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 14.760 đô la Mỹ, tăng chỉ 15 đô la Mỹ so mức 14.745 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường nhìn chung ổn định trên toàn Continent và Địa Trung Hải. Danh sách tàu neo ở khu vực Vịnh châu Mỹ giảm khiến tăng giá ở lại. Một tàu khoảng 33.000 dwt được chốt đi từ Vịnh châu Mỹ đến Đông Địa Trung Hải với giá khoảng 22.000 đô la Mỹ/ngày, trong khi một tàu khoảng 40.000 dwt được chốt đến Trung Quốc với giá 26.500 đô la Mỹ/ngày. Thị trường Nam Đại Tây Dương duy trì xu hướng ổn định đi lên, với nguồn cung hàng hóa mới dồi dào. Thị trường Thái Bình Dương không có nhiều giao dịch diễn ra trong tuần qua. Khu vực phía Bắc vẫn ổn định, với cước phí giữ gần mức giao dịch cuối cùng. Hàng thép và hàng hóa tổng hợp có mức giá cao hơn, đặc biệt đối với các điểm đến là Vịnh Ả Rập và Bờ Tây Ấn Độ. Nhìn chung, phía Bắc vẫn trầm lắng do thiếu nhu cầu mới. Ở phía Nam, thị trường có dấu hiệu cải thiện nhẹ khi các tàu sẵn giao ngay được chốt. Tâm lý thị trường cho tuần tới vẫn ổn định.

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 24/11/2025

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	16.064	▲	299
HANDIES 38K	14.760	▲	15

(so sánh với giá trị ngày 17/11/2025)

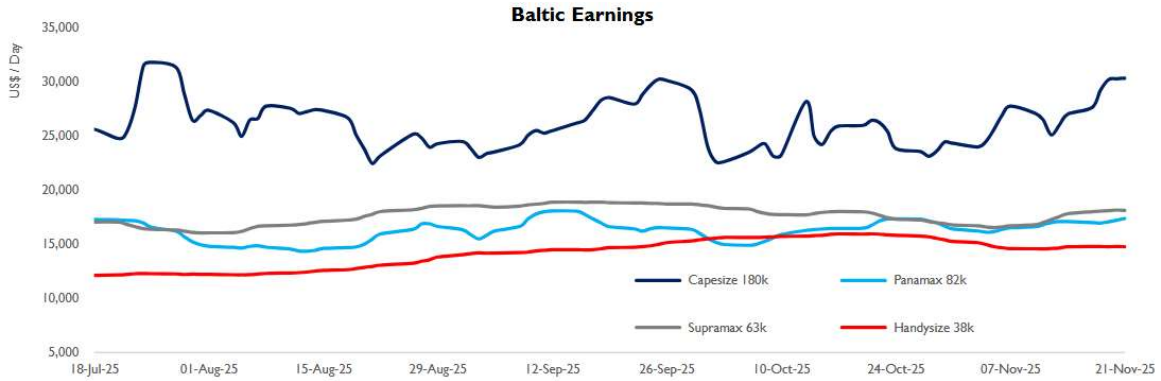

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ

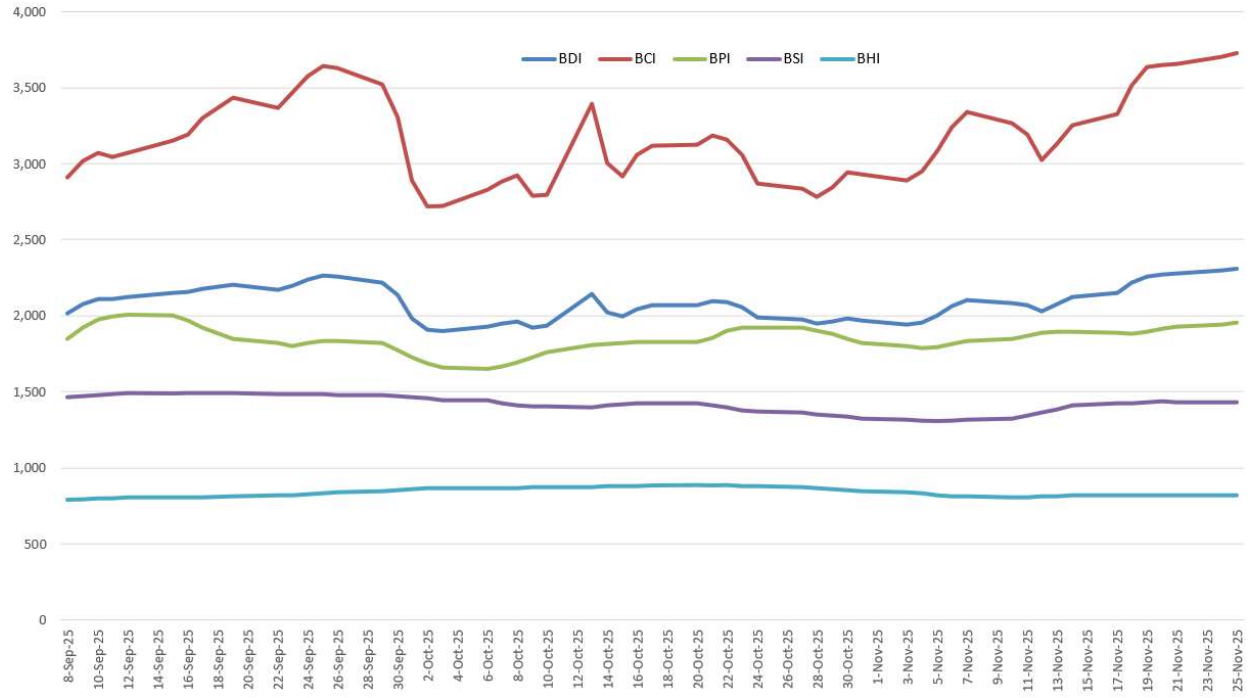

3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 58,89 đô la Mỹ/thùng – tăng 0,08 % so với phiên trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 63,37 đô la Mỹ/thùng – tăng 1,29%. Nguyên nhân của sự điều chỉnh này bắt nguồn từ một số yếu tố mang tính "động lực kép" đang tác động lên tâm lý thị trường. Trước hết, thông tin về khả năng một thỏa thuận hòa bình giữa Ukraine và Russia đang được đàm phán đã khiến nhà đầu tư kỳ vọng về giảm bớt rủi ro địa chính trị - một yếu tố vốn thường đẩy giá dầu lên khi có căng thẳng. Thứ hai, nhiều nhà phân tích đang đặt dấu hỏi về sức mạnh của nhu cầu dầu trong ngắn hạn, khi kinh tế toàn cầu có dấu hiệu chững lại, trong khi nguồn cung dầu vẫn được mở rộng. Ví dụ, báo cáo gần đây của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cảnh báo nguồn cung có thể vượt nhu cầu trong năm tới, khiến áp lực giảm giá tăng lên.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC

Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận sức "nóng" bao trùm, với cước tuần qua ghi nhận tăng đến 24.7% và đạt đỉnh mới trong năm ở mức WS 133. Động lực chính đến từ nhu cầu gia tăng của Trung Quốc đối với các nguồn dầu thô thay thế, dẫn tới lượng lớn nhu cầu từ người thuê tàu Trung Quốc cho các đơn hàng vào cuối tháng 11. Tại khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc giảm nhẹ.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Trung Đông/ Trung Quốc	125.784	136.843	↑
USG/Trung Quốc	92.497	94.010	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi có xu hướng ổn định, dù đã trải qua giai đoạn chững lại tạm thời sau khi cước trên tuyến đi châu Âu tăng mạnh - xấp xỉ đến 60% kể từ đầu tháng 10. Đơn cử, cước trên tuyến Nigeria/UKC hiện chốt ở mức WS 156. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Guyana/UKC đã giảm 4,5 điểm xuống còn WS 154,4

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	79.569	77.101	↓
Guyana / UKC	77.700	76.750	↓

Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, phân khúc tàu Aframax duy trì xu hướng sôi động do nguồn cung tàu hạn chế. Điều này chủ yếu đến từ nhu cầu nhập khẩu dầu thô cho các tuyến ngắn tại các nhà máy lọc dầu Ấn Độ và khu vực Đông Á gia tăng sau lệnh trừng phạt từ Mỹ. Tại khu vực Địa Trung Hải, cước cho tuyến Ceyhan/Lavera đã giảm đáng kể và chốt mức thấp hơn so với tuần trước

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	67.300	65.100	↓
Med / Med	70.322	55.151	↓
USG / Cont	59.297	58.931	↓
EC Mex / USG	59.467	58.709	↓

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực phía Đông khởi đầu khá ổn định, mặc dù ảnh hưởng bởi tuần lễ Bahri, số lượng tàu có sẵn cao, áp lực từ các phân khúc lớn hơn đã một phần kìm hãm thị trường, sau một thời gian biến động thì đến cuối tuần cước trên tuyến Trung Đông/Đông Phi chốt ở mức WS 245 và tuyến từ Sikka đi Japan được ký kết ở mức WS 145, thị trường dự kiến tiếp tục có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, tại khu vực Bắc Âu, tác động theo mùa và thiếu vắng tàu có sẵn đã đẩy mức cước lên cao. Chủ tàu hiện vẫn có xu hướng đưa tàu sang khu vực USG để có được mức cước tốt tại thị trường này, dự kiến cước sẽ tiếp tục tăng. Theo đó, thị trường Địa Trung Hải ghi nhận số lượng tàu có sẵn được thắt chặt và một số chuyến hàng gấp còn lại, các chủ tàu tỏ ra tích cực và đẩy mức cước lên mức WS 170 cho tuyến Med/TA. Qua đó, cước cho tuyến Med/Tây Phi tiếp tục được trả mức chênh lệch cao hơn. Thị trường tàu Handy tại khu vực Bắc Âu vô cùng sôi động, với tình trạng thiếu nguồn cung tàu đã đẩy mức cước lên. Đơn cử, cước cho tuyến ARA/UK-Cont chốt ở mức WS 215 – tăng đến 22,5 điểm. Khu vực Med cho phân khúc này cũng tiếp nối xu hướng tích cực, bắt đầu với mức cước WS 200 với các chuyến hàng còn lại và danh sách tàu giảm mạnh khiến cho chủ tàu có xu hướng đẩy cước lên cao hơn. Do vậy, đến cuối tuần cước đã ở mức WS 230, tuy rằng một số thỏa thuận đã bị hủy, nhưng do thiếu tàu có sẵn, chủ tàu vẫn duy trì trạng thái tích cực

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Thị trường USG ghi nhận sự tích cực với các chuyến hàng tháng 1 bắt đầu được thỏa thuận và cước đã tăng 1 đô la Mỹ/tấn trong tuần này. Trong khi đó, các đơn hàng theo hợp đồng dài hạn đang chốt dần khi năm đã gần kết thúc. Qua đó, cước cho tuyến từ Al-Jubail/Rotterdam giảm 2 đô la Mỹ/tấn trong tuần này, do tàu vẫn còn trống cho các lô hàng nhỏ vào châu Âu, đồng thời hoạt động ở phía Tây nhìn chung khá ảm đạm. Bên cạnh đó, các tuyến từ Al-Jubali đi về phía Đông vẫn được duy trì bởi các tàu đã được ký theo hợp đồng dài hạn, mặc dù tổng khối lượng hàng hóa giảm. Tàu vẫn còn trống cho các lô hàng nhỏ theo hợp đồng vẫn có sẵn, trong khi các tàu khác tập trung vào tuyến đường dài đi về phía Đông. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Singapore/Rotterdam đã tăng 5 đô la Mỹ/tấn cho các lô hàng 1.000 tấn trong tuần này. Nhìn chung, các hoạt động trên các tuyến dài hạn gia tăng gần đây, do số lượng các lô hàng đã ký kết và đang thỏa thuận tăng lên, trong khi nhiều yêu cầu vẫn đang chờ xử lý. Thị trường Nam Mỹ với hàng dầu đậu nành ghi nhận mức cước tăng 3 đô la Mỹ/tấn trong tuần này, do thiếu nguồn cung trong khu vực, cùng với thị trường CPP ở Tây bán cầu ổn định hơn. Nhu cầu dầu đậu nành vào Ấn Độ được dự báo vẫn mạnh đến năm 2026, do giá dầu cọ duy trì ở mức cao.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 47/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 46/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	55,500	47,000	45,000	55,000	46,500	45,500
SUEZMAX	43,500	36,000	32,000	44,000	35,500	32,000
AFRAMAX	35,000	30,500	28,500	35,000	30,500	28,500
LR-2	34,000	29,500	28,500	34,000	29,500	28,000
LR-1	25,000	23,500	22,000	25,000	23,000	22,000
MR	23,000	21,500	19,000	22,500	21,000	19,000
HANDY	19,000	17,500	17,000	19,500	18,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

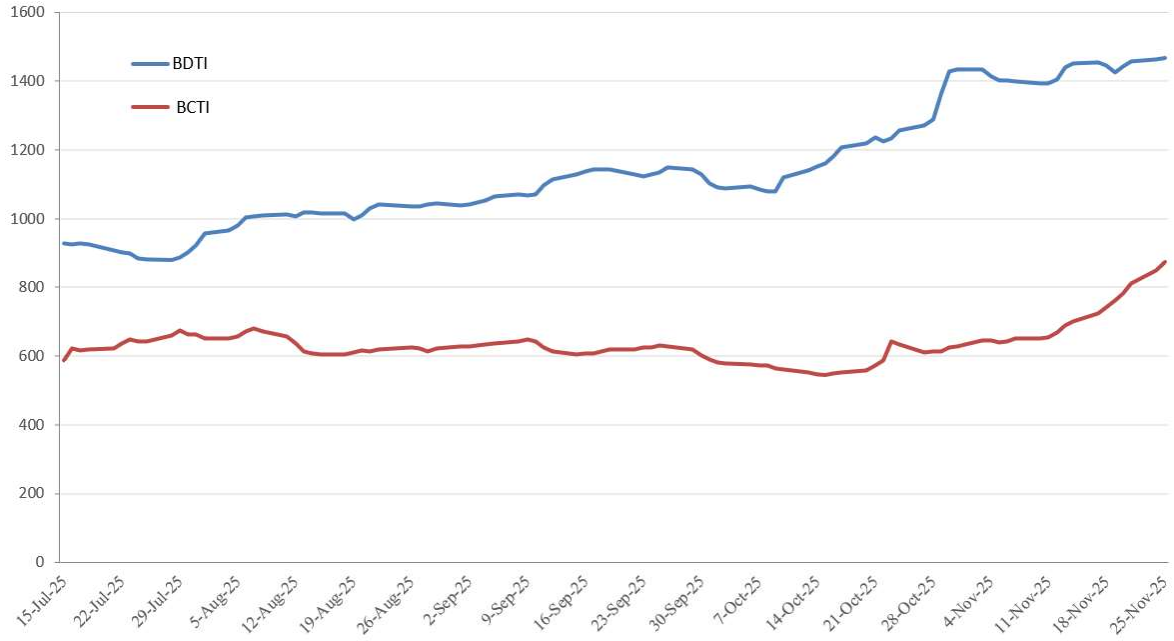

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Pakistan	400		420		430	
2	Bangladesh	410		430		440	
3	India	380		400		410	
4	Turkey	260		270		280	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 47/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US$/lt)	DWT	Comments
Kohzan Maru	Tanker	2000	9,962	Bangladesh	442.00	45,299	
Victoria 3	Bulker	1996	6,086	-	381.00	26,482	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)
Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.